Các giới từ thường gặp trong New TOEIC

1. by

① *bởi* : by sales director *bởi giám đốc kinh doanh*
② *trước* : by the end of the month *trước cuối tháng*
③ *bằng cách* (by V-ing): by comparing prices *bằng cách so sánh giá*
④ (đi theo các từ khác): be caused by *bị gây nên bởi ~*

2. for

① *để, vì* : for admission *để được nhận vào*
② *trong (khoảng thời gian)* : for ten years *trong mười năm*
③ (đi theo các từ khác) be responsible for *chịu trách nhiệm về ~*
demand for *nhu cầu về ~*
account for *giải thích ~*
be known[noted] for *nổi tiếng về ~*
reason for *lý do của việc ~*
compete for *tranh giành ~*

3. with

① *có* : with a swimming pool *(khách sạn) có hồ bơi*
② *cùng với* : with visitors *cùng với du khách*
③ (đi theo các từ khác): in line with *theo (một công văn, quy định nào đó)*
agree with *đồng ý ~* comply with *tuân thủ theo ~*

4. concerning

① *về* (= regarding, about) concerning the advertisement *về mẩu quảng cáo*

5. to

① *chỉ phương hướng*: submit / return / send / lend A to B *nộp/trả/gửi/cho mượn A cho B*

6. within

① *trong vòng (thời gian)* : within 24 hours *trong vòng 24 tiếng đồng hồ*
② *trong vòng (không gian)* : within a radius of 10 miles *trong vòng bán kính 10 dặm*

7. among

① *trong số* (dùng cho trên 2 đối tượng) : among the most trusted companies
trong số các công ty đáng tin cậy nhất
② nếu chỉ có 2 đối tượng thì ta dùng between : between A and B *giữa A và B*
between the two companies
giữa hai công ty

8. in

① *ở, trong (địa điểm)*: in the meeting room *ở phòng họp*
② *trong (thời gian)*: in three weeks *trong ba tuần*
③ (đi theo danh từ) : experience in *kinh nghiệm về ~*
④ (đi theo tính từ và động từ): be interested in *quan tâm đến ~*
be involved in *tham dự vào ~* invest in *đầu tư vào ~*

9. due to

① *do* : due to a mechanical problem *do trục trặc về máy móc*

10. throughout

① *suốt (thời gian)* : throughout the year *suốt năm*
② *khắp (địa điểm)* : throughout the country *khắp đất nước*

11. through

① *qua, thông qua* : through considerable efforts *qua các nỗ lực phi thường*
② (động từ kép) : go through *trải qua* (= undergo) get through *hoàn thành*

12. on

① *vào (ngày trong tuần)* : on Tuesday *vào thứ ba*
② *lên (đối tượng)*: have an effect [impact] on *có tác dụng lên/đến*
③ (đi theo các từ khác): concentrate on *tập trung vào ~* spend A on B
tiêu số tiền A vào B

13. from

① *từ (chỉ nguồn gốc)*: obtain / borrow A from B *lấy/mượn A từ B*
② (đi theo các từ khác) : prohibit / prevent A from V-ing *cấm/chặn A làm ~*

www.nhantriviet.com

LIVEWORKSHEETS

Vocabulary Review | Chọn từ thích hợp với ngữ cảnh

1. Please return the customer survey **[within, by]** 7 days of purchase.
2. The current high oil prices will have a negative impact **[in, on]** the economy.
3. The community center runs free English classes for residents **[prior to, throughout]** the year.
4. Detailed information about the seminar will be provided **[by, within]** the sales manager.
5. There is a growing demand **[for, through]** experienced teachers.
6. The survey results will be released **[of, in]** two weeks.
7. Any questions **[concerned, concerning]** the revised tax law should be forwarded to the accounting department.
8. S&P Co. ranks **[among, at]** the most influential consulting firms in the field.
9. Please submit the required documents **[by, to]** our loan office.
10. The company announced they will open a new hotel **[with, for]** a brand-new fitness center.
11. Travelers can obtain city guide books **[from, to]** one of the information centers.
12. You can be acquainted with the new system **[on, through]** frequent use.
13. The outdoor concert has been canceled **[due to, concerning]** the heavy rain.

* Học thêm từ vựng

1. **Phân biệt for và since**
   Sau since là một mốc thời gian cụ thể, như since last week, since 1980. Sau for là một khoảng thời gian, như for 30 years (trong 30 năm).

2. **Phân biệt within và by**
   Sau within là một khoảng thời gian, nhằm diễn tả kỳ hạn, như within 7 days (trong vòng 7 ngày). Sau by là một mốc thời gian cụ thể, như by the end of the week (trước cuối tuần này).

www.nhantriviet.com

LIVEWORKSHEETS